TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

Bản án số: 50/2023/DS-ST
Ngày 27-9-2023
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Bản

Bà Đặng Thị Thu

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023 về "*Tranh chấp đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2023/QĐST-DS ngày 19/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976, địa chỉ: TDP 13, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thanh V, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn Đức Thị, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Xuân T, địa chỉ: Thôn Q, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Nhà bà Trần Thị N, xóm 5, tổ dân phố 6, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Trong khoảng thời gian từ năm 2016 -2017 giữa ông với bà Lê Thanh V, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn Đức Thị, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình có quan hệ tình cảm yêu đương nam nữ. Thời gian này bà Vinh có hỏi vay ông một số tiền để trả nợ cho người nào đó nhưng ông không có nên bà Vinh

nhờ ông giới thiệu người có khả năng cho bà vay tiền. Do giữa hai người có quan hệ tình cảm, khi chứng kiến bà Vinh phải liên tục đi trốn nợ nên ông đã hỏi một người quen biết của ông là ông Võ Xuân T ở thị trấn Nông Trường Việt Trung, huyện Bố Trạch để giới thiệu cho bà Vinh vay tiền. Thời điểm đó ông Tình mới thu hoạch hạt tiêu bán nên có sẵn tiền cho vay. Ngày 01/9/2017, bà Vinh đã vay của ông Tình số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hai bên có lập giấy mượn tiền. Ông có nghe ông Tình điện thoại kể lại là sau khi vay tiền, bà Vinh có nhờ ông Tình chở đi trả nợ ở phường Đồng Phú số tiền 15.000.000 đồng để nhận lại Thẻ căn cước công dân, sổ hộ khẩu, sau đó Bà Vinh giao cho ông Tình giữ các giấy tờ này. Số tiền vay còn lại 35.000.000 đồng bà Vinh nói vay để làm sổ đỏ. Bà Vinh cam kết sau 03 tháng sẽ trả nợ cho ông Tình. Đến hạn, ông Tình đi tìm bà Vinh để yêu cầu trả nợ nhưng bà Vinh lại tiếp tục trốn nợ, ông Tình có phàn nàn với ông là sao giới thiệu người vay tiền không uy tín. Thời điểm đó do biết được ông Thương đang có nguồn tiền từ bán căn nhà nên bà Vinh đã nhờ ông Thương trả nợ thay số tiền bà nợ ông Tình rồi bà sẽ tìm nguồn trả lại. Nể tình nghĩa giữa hai người bấy lâu nên ngày 20/10/2019 ông Thương đã trả nợ thay cho bà Vinh số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu ông Tình viết giấy xác nhận việc ông đã trả giúp bà Vinh số tiền 50.000.000 đồng để ông có cơ sở đòi lại tiền từ bà Vinh. Ngoài ra, sau khi trả nợ thay, ông Tình giao lại cho ông 01 thẻ căn cước công dân và 01 sổ hộ khẩu mang tên bà Vinh. Sổ hộ khẩu sau đó bà Vinh có xin ông nhận lại còn thẻ căn cước công dân của bà Vinh hiện ông vẫn còn giữ.

Từ đó đến nay, ông đã rất nhiều lần yêu cầu bà Vinh trả lại số tiền 50.000.000 đồng nhưng bà Vinh không trả. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Vinh trả lại cho ông số tiền 50.000.000 đồng mà ông đã trả nợ thay cho bà Vinh.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định đến bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại Đơn trình bày ngày 15/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thanh V trình bày:

Từ khoảng thời gian từ 2016-2017 bà và ông Thương có quan hệ tình cảm, sống với nhau như vợ chồng dẫn đến việc ông Thương có nhờ bà vay hộ số tiền 50.000.000 đồng để chuộc sổ đỏ cho ông Thương. Quá trình đó, ông Thương có giới thiệu cho bà có người tên Loan cho vay tiền với lãi suất thấp. Ngày 01/9/2017 bà gặp bà Loan để làm thủ tục vay tiền. Vì mắt kém nên bà nhờ bà Loan lập giấy vay tiền để hai bên ký tá. Sau khi bà ký vào giấy vay số tiền 50.000.000 đồng thì bà Loan đã lấy tờ giấy tờ vay mượn tiền này nhưng không đưa số tiền vay cho bà mà bỏ đi. Bà không biết bà Loan ở đâu nên bà có làm đơn gửi cho Công an thành phố Đồng Hới để kiện ông Thương và bà Loan về việc đã lừa bà để chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi biết việc bà gửi đơn lên Công an, ông Thương đã dỗ

dành bà và bà rút đơn về. Từ đó đến nay đã 06 năm không thấy ai có ý kiến gì bà tưởng sự việc đã xong xuôi thì nhận được thông báo của Tòa án về việc ông Thương kiện đòi nợ số tiền 50.000.000 đồng. Bà thừa nhận là bà đã ký vào Giấy mượn tiền ngày 01/9/2017 nhưng bà chưa nhận được số tiền 50.000.000 đồng. Vì vậy, bà không chấp nhận yêu cầu trả lại số tiền này cho ông Thương.

Tại Bản tự khai ngày 22/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Xuân T trình bày:

Do có mối quan hệ anh em quen biết từ trước nên vào cuối tháng 8/2017, ông Thương có đề nghị ông về việc cho bà Vinh- là người tại thời điểm đó đang có quan hệ tình cảm với ông Thương- vay số tiền 50.000.000 đồng để trả nợ và làm sổ đỏ. Sẵn đang có số tiền vừa bán hạt tiêu và nể chổ quen biết, tin tưởng ông Thương nên ngày 01/9/2017 ông đã cho bà Vinh vay số tiền 50.000.000 đồng. Hai bên lập giấy mượn tiền, thỏa thuận sau 03 tháng sẽ trả. Bà Vinh có giao cho ông Tình giữ Thẻ căn cước công dân và sổ hộ khẩu mang tên Lê Thanh V để làm tin. Đến hạn ông đi tìm bà Vinh yêu cầu trả số tiền 50.000.000 đồng nhưng bà Vinh không chịu trả nợ mà tìm cách trốn tránh. Đến năm 2019, ông Thương gọi ông đến và trả số tiền 50.000.000 đồng giúp cho bà Vinh. Ông có nghe ông Thương nói là vì đau ốm nên bán nhà để có tiền chữa bệnh nhưng bà Vinh cứ liên tục nhờ ông trả nợ thay số tiền vay 50.000.000 đồng và cam kết sẽ nói em trai gửi tiền từ nước ngoài về để trả lại cho ông Thương nên ông đồng ý trả nợ thay. Sau khi nhận tiền từ ông Thương, ông Tình giao lại cho ông Thương thẻ căn cước công dân, sổ hộ khẩu của bà Vinh và xác nhận đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng để sau này ông Thương có căn cứ đòi bà Vinh trả lại.

Vì điều kiện công việc, ông Tình đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Tại Bản tự khai ngày 07/7/2023, người làm chứng bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 01/9/2017, bà Lê Thanh V có vay của ông Võ Xuân T ở Nông trường Việt Trung số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng. Hai bên có lập giấy mượn tiền và nhờ bà Loan có ký làm chứng. Sau khi vay tiền, bà Vinh có nhờ bà Loan đi cùng xuống Đồng Phú để trả nợ số tiền 15.000.000 đồng và lấy lại thẻ căn cước công dân và hộ khẩu. Số tiền còn lại bà Vinh mang về sử dụng vào việc gì bà Loan không biết. Sau đó bà Loan được biết là bà Vinh trốn tránh không trả cho ông Tình số tiền này mà nhờ ông Thương trả hộ vì thời điểm đó giữa ông Thương và bà Vinh có quan hệ tình cảm.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên thỏa thuận với nhau về giải quyết tranh chấp trong vụ án nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc

bà Lê Thanh V trả số tiền 50.000.000 đồng mà ông đã trả nợ thay cho bà Vinh vào năm 2019;

Bị đơn bà Lê Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Xuân T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thanh V trả lại số tiền nợ mà ông đã thực hiện việc trả nợ thay cho bà Vinh. Đây là tranh chấp về "Đòi lại tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lê Thanh V có nơi cư trú hiện tại là xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn bà Lê Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Xuân T vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án các đương sự này đã có Bản tự khai hiện lưu tại hồ sơ vụ án. Việc họ vắng mặt không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc buộc bị đơn bà Lê Thanh V trả lại số tiền 50.000.000 đồng do ông trả nợ thay số tiền mà trước đó bà Vinh đã vay của ông Võ Xuân T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Nguyễn Văn T giao nộp cho Tòa gồm: Giấy mượn tiền ngày 01/9/2019 với nội dung: Bà Lê Thanh V có vay của ông Võ Xuân T số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 3 tháng; mục đích vay: Làm lại sổ đỏ. Giấy mượn tiền có chữ ký của bên vay tiền là bà Lê Thanh V, bên cho cho vay là ông Võ Xuân T và người làm chứng là bà Nguyễn Thị L; Giấy xác nhận trả tiền lập ngày 20/10/2019 với nội dung: Ông Nguyễn Văn T trả nợ thay cho bà Lê Thanh V số tiền 50.000.00 đồng mà bà Vinh đã vay của ông Võ Xuân

T. Giấy xác nhận trả tiền có chữ ký của người trả tiền là ông Nguyễn Văn T và người người nhận tiền ông Võ Xuân T ký và xác nhận nội dung "*Tôi đã nhận đủ số tiền của anh Thương trả giúp chị Vinh".*

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn bà Lê Thanh V, người liên quan ông Võ Xuân T và người làm chứng bà Nguyễn Thi Loan đều trình bày thống nhất về mối quan hệ giữa ông Thương bà Vinh để dẫn đến việc vay mượn tiền theo Giấy mượn tiền ngày 01/9/2017. Bị đơn bà Lê Thanh V thừa nhận bà đã ký vào giấy mượn tiền ngày 01/9/2017 nhưng cho rằng người cho vay tiền là bà Nguyễn Thị L và sau khi ký vào giấy mượn tiền này bà chưa nhận được số tiền 50.000.000 đồng do bà Loan giao nhưng bà Vinh không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh về việc bà chưa nhận được số tiền vay 50.000.00 đồng. Người cho vay tiền ông Võ Xuân T, người làm chứng là bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T đều trình bày thống nhất về số tiền vay, thời hạn vay và mục đích vay tiền theo như Giấy mượn tiền mà bà Vinh đã ký. Quá trình giải quyết vụ án bà Vinh trình bày bà đã gửi đơn tố giác ông Thương, bà Loan hành vi lừa đảo để chiếm đoạt của bà số tiền 50.000.00 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 01/9/2017 nhưng bà Vinh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về nội dung này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để xác định bà Lê Thanh V có vay mượn của ông Võ Xuân T số tiền 50.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 01/9/2017 là đúng thực tế.

Việc xuất phát từ quan hệ tình cảm nam nữ nên ông Nguyễn Văn T đã thực hiện trả nợ thay cho bà Lê Thanh V số tiền 50.000.000 đồng mà trước đó bà Vinh đã vay của ông Võ Xuân T theo nội dung Giấy xác nhận trả tiền ngày 20/10/2019 và theo nội dung các đương sự trình bày thống nhất trong quá trình giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật về chuyển giao nghĩa vụ, chuyển giao quyền yêu cầu được quy định tại các điều 365, 370 Bộ luật dân sự. Đây là căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ trả lại tiền của bà Lê Thanh V đối với ông Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, từ sau ngày ông Thương trả nợ thay cho bà Vinh đối với số tiền bà Vinh vay của ông Tình đến nay bà Vinh đã không trả lại cho ông Thương số tiền này là vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc buộc bị đơn bà Lê Thanh V phải trả lại số tiền 50.000.000 đồng là số tiền mà ông Thương đã trả thay cho bà Vinh là phù hợp với quy định tại các Điều 166, 274, 275, 351 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Về án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền

50.000.000 đồng nên án phí dân sự sơ thẩm mà bị đơn phải chịu là [50.000.000 đồng x 5%] = 2.500.000 đồng *(Hai triệu, năm trăm ngàn đồng)*.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 5, khoản 2 khoản Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, các điều 147, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các điều: 166, 274, 275, 351, 365, 370 Bộ luật dân sự 2015

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc "Đòi lại tài sản", buộc bị đơn bà Lê Thanh V phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0001545 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn bà Lê Thanh V phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm ngàn đồng);*

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30

Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Mỹ Hạnh